

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 -2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Kim Huế và ông Phạm Văn Tiền.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên –
Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.*

*Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát
viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.*

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân
thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
214/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Y N. "Có mặt".

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn S. "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị
Y Nót trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S chung sống với nhau có
đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2010, tại UBND xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon
Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau,
nguyên nhân là do anh S đánh đập, quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ
khác; vợ, chồng đã không còn chung sống với nhau hơn một năm nay, không ai
quan tâm đến ai, anh S đi làm nay đây mai đó. Nay chị xác định không còn tình
cảm với anh S nữa, yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm
Văn S. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 14/
10/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị trực tiếp trông nom,
chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu anh S phải đóng góp tiền cấp
dưỡng nuôi con. Vì, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau con là do
chị nuôi, không có sự đóng góp tiền nuôi con từ anh S. Bên cạnh đó, anh S

không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Về tài sản, nợ nần: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí DSST chị nhận chịu.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày: Anh thừa nhận anh và chị Y N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện; thời gian, địa điểm kết hôn như chị Y N trình bày. Sau khi kết hôn vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh đập nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung anh thừa nhận có 01 con chung như chị Y N trình bày, anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ nần anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y N: Chị Y N được ly hôn với anh S. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung giao con cho chị Y N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy K, sinh ngày 14/10/2016, anh S không phải đóng góp tiền nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị Y N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phạm Văn S đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Văn S.

[2] **Về nội dung vụ án:**

* **Quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Y N và anh Phạm Văn S là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh nhau, không còn chung sống với nhau hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Chị N xin ly hôn với anh S, anh S đồng ý và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Y N và anh S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh, chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình (Không còn chung sống với nhau), vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều

19 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chị Y N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S là có căn cứ cần được chấp nhận là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

* Về con chung: Vợ chồng chị Y N và anh S sinh được 01 con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 14/ 10/2016. Hiện tại chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị yêu cầu giao con cho chị nuôi sau khi ly hôn và không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; anh S đồng ý với yêu cầu này của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ, chồng chị N, anh S đã không còn chung sống với nhau, con chung do chị N nuôi dưỡng, anh S không chu cấp tiền nuôi con cùng chị nhưng chị vẫn nuôi con khỏe mạnh, được học hành đúng lứa tuổi (BL 30), đồng thời yêu cầu của chị N được anh S đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

* Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Y N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y N đề ngày 13 tháng 5 năm 2022.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y N được ly hôn với anh Phạm Văn S;
2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Y N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Y N phải chịu, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai số: 0000814, ngày 16/5/2022 của Chi

cục thi hành án dân sự Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Y N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- UBND xã Đ, TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung